

Lam Sơn, ngày 30 tháng 01 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP .HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức : Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn
- Mã chứng khoán: LSS
- Địa chỉ trụ sở chính: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa
- Điện thoại: 0237.899 66 67
- Fax: 0237.3834 .092
- Người thực hiện công bố thông tin: Lê Văn Tân
Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố : Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn công bố Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất quý II niên độ tài chính từ 01/07/2022-30/06/2023, kèm giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh so với cùng kỳ.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/01/2023 tại đường dẫn : <http://www.lasuco.vn/>, <http://www.lasuco.com.vn/>,

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Văn Tân

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**TỪ NGÀY 01 THÁNG 10 NĂM 2022
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

(NIÊN ĐỘ TỪ 01/07/2022 ĐẾN 30/06/2023)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	1 - 4
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6 - 7
4. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II -Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		818.907.826.079	798.972.354.124
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	31.693.451.427	33.864.016.225
1. Tiền	111		28.528.129.727	30.749.398.033
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.165.321.700	3.114.618.192
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.237.366.487	-
1. Kinh doanh chứng khoán	121		1.237.366.487	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		128.268.334.557	282.482.936.535
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3.1	47.869.056.401	128.203.770.559
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3.2	75.429.849.770	146.973.902.412
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		10.300.000.000	11.150.000.000
6. Các khoản phải thu khác	136	4	17.260.443.526	18.746.278.704
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5	(22.591.015.140)	(22.591.015.140)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		636.887.050.254	478.308.279.331
1. Hàng tồn kho	141	6	640.917.289.135	482.338.518.212
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(4.030.238.881)	(4.030.238.881)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.821.623.354	4.317.122.033
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	20.821.623.354	4.317.122.033
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.549.900.403.369	1.597.663.920.969
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		36.954.078.567	36.302.968.190
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	4	36.954.078.567	36.302.968.190
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II -Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II.	Tài sản cố định	220		872.610.760.055	935.107.682.582
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	8	829.311.640.701	890.725.093.950
	<i>Nguyên giá</i>	222		2.673.508.122.492	2.675.163.323.302
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.844.196.481.791)	(1.784.438.229.352)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	9	43.299.119.354	44.382.588.632
	<i>Nguyên giá</i>	228		47.425.838.413	47.425.838.413
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.126.719.059)	(3.043.249.781)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		339.154.576.330	332.508.074.016
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	339.154.576.330	332.508.074.016
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	271.253.631.811	257.532.059.840
1.	Đầu tư vào công ty con	251		281.746.610.952	268.025.038.981
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		21.500.000.000	21.500.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.251.145.800	5.251.145.800
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(67.244.124.941)	(67.244.124.941)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		30.000.000.000	30.000.000.000
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		29.927.356.606	36.213.136.341
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	7	29.927.356.606	36.213.136.341
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		2.368.808.229.448	2.396.636.275.093

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II -Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		746.082.031.531	776.930.254.782
I. Nợ ngắn hạn		310		671.191.379.069	700.915.649.104
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	12	82.866.306.454	64.839.119.606
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	13	10.689.582.106	4.094.248.761
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	14	17.019.893.154	25.001.832.090
4. Phải trả người lao động		314		4.112.673.703	10.651.785.250
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	15	67.908.236.668	36.490.597.554
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316			0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	16	4.224.861.238	4.870.194.944
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	17	478.789.112.396	553.075.900.402
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		5.580.713.350	1.891.970.497
13. Quỹ bình ổn giá		323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		324		-	-
II. Nợ dài hạn		330		74.890.652.462	76.014.605.678
1. Phải trả người bán dài hạn		331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
6. Phải trả dài hạn khác		337		41.203.260.093	41.203.260.093
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	18	6.335.000.000	6.335.000.000
8. Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
9. Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn		342		-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343	19	27.352.392.369	28.476.345.585

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

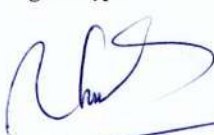
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II -Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.622.726.197.917	1.619.706.020.311
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	1.604.542.761.142	1.596.858.783.607
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		745.479.930.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		745.479.930.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.455.332.801	191.455.332.801
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		587.011.743.761	582.756.412.747
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		80.595.754.580	122.647.038.059
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		68.656.013.306	80.093.727.911
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.939.741.274	42.553.310.148
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II. Nguồn kinh phí	430		18.183.436.775	22.847.236.704
1. Nguồn kinh phí	431	21	1.920.888.000	5.281.087.975
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	22	16.262.548.775	17.566.148.729
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.368.808.229.448	2.396.636.275.093

Lập ngày 28 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu



Hồ Thị Hậu

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà



Lê Văn Phương


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ 01/07 đến 31/12	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 1	336.854.798.263	455.004.576.253	606.195.741.409	735.499.298.674
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		336.854.798.263	455.004.576.253	606.195.741.409	735.499.298.674
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	314.149.652.910	410.038.530.857	545.986.447.978	661.133.555.598
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.705.145.353	44.966.045.396	60.209.293.431	74.365.743.076
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI. 3	1.518.979.923	2.303.170.164	2.681.154.969	3.742.144.805
7.	Chi phí tài chính	22	VI. 4	2.910.439.275	14.889.451.381	8.659.925.916	19.746.217.031
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.819.425.600	1.349.883.465	8.506.453.761	4.285.055.974
8.	Chi phí bán hàng	25	VI. 5	9.741.268.628	15.664.069.249	20.943.702.748	24.212.429.830
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI. 6	10.515.075.404	11.299.031.456	19.872.451.708	18.701.885.853
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.057.341.969	5.416.663.474	13.414.368.028	15.447.355.167
11.	Thu nhập khác	31	VI. 7	768.587.712	3.590.724	827.375.312	4.563.624
12.	Chi phí khác	32	VI. 8	60.998.140	(698.554.327)	120.824.983	170.181.576
13.	Lợi nhuận khác	40		707.589.572	702.145.051	706.550.329	(165.617.952)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.764.931.541	6.118.808.525	14.120.918.357	15.281.737.215
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		318.886.428	926.662.198	2.181.177.083	2.748.993.374
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.446.045.113	5.192.146.327	11.939.741.274	12.532.743.841

Người lập biểu


Hồ Thị Hậu

Kế toán trưởng


Đỗ Thị Thanh Hà

Lập ngày 29

tháng 01 năm 2023

Tổng giám đốc




Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn từ 01/07/2022 đến 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	14.120.918.357	15.281.737.215
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	60.841.721.717	32.746.206.781
- Các khoản dự phòng	03		21.247.951.433
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	4.118.955.824	(1.863.183.284)
- Chi phí lãi vay	06	8.506.453.761	4.285.055.974
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	87.588.049.659	71.697.768.119
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	149.386.117.545	43.897.212.462
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(158.578.770.923)	(73.286.443.370)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	54.733.796.016	24.173.437.859
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(12.107.198.450)	(2.424.418.131)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(17.556.143.997)	(3.987.247.858)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.115.460.961)	(5.196.714.226)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	444.129.000	9.524.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.674.517.090)	(5.983.720.525)
		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	90.120.000.799	58.413.874.330
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(21.779.059.035)	(51.861.112.495)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.000.000.000)	(350.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.850.000.000	4.137.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	925.714.169	2.295.183.284
		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.003.344.866)	(45.778.929.211)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-		35.041.706.517	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	549.103.935.445		584.793.634.854	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(623.390.723.451)		(621.523.670.263)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(432.725)		(3.414.280)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(74.287.220.731)		(1.691.743.172)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.170.564.798)		10.943.201.947	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	33.864.016.225		15.070.086.958	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61				
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	31.693.451.427		26.013.288.905	

Người lập biểu



Hồ Thị Hậu

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Lập ngày 18 tháng 01 năm 2023

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP- Oracle Net Suite).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	20 – 50
Phần mềm quản lý	05 - 08

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất, thuê kho trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trong kỳ hoạt động từ 01/10/2022 đến 31/12/2022, Công ty không thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

12. Trích lập Quỹ Khoa học và Phát triển công nghệ:

Công ty thực hiện trích lập quỹ khoa học và phát triển công nghệ trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và phản ánh số trích lập trên chỉ tiêu “Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ”.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Căn cứ Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN (được bổ sung theo khoản 5 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015), Công ty thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 15% trên thu nhập chịu thuế từ chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía (sản phẩm trồng trọt trong lĩnh vực nông nghiệp) trên địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	297.398.953	128.966.088
Tiền gửi ngân hàng	28.230.730.774	30.620.431.945
Các khoản tương đương tiền	3.165.321.700	3.114.618.192
Cộng	<u>31.693.451.427</u>	<u>33.864.016.225</u>

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam tại Bắc Ninh	-	57.735.650.700
Công ty TNHH TM & XNK Lam Sơn	12.874.198.257	3.044.265.222
CZARNIKOW GROUP LIMITED		15.218.661.244
CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON - CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG	1.284.948.000	
Các khoản phải thu khách hàng khác	33.709.910.144	52.205.193.393
Cộng	<u>47.869.056.401</u>	<u>128.203.770.559</u>

2.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán tại XNNL	59.122.934.918	128.882.910.294
Trả trước cho người bán tại VPCT	16.306.914.852	18.090.992.118
Trả trước cho người bán tại các đơn vị		-
Cộng	<u>75.429.849.770</u>	<u>146.973.902.412</u>

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao mía đường Lam Sơn	3.541.064.964	3.889.292.374
Công ty CP rượu Việt Nam – Thụy Điển	8.504.060.306	8.504.060.306
Tạm ứng	895.551.384	388.072.099
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	795.297.600	795.297.600
Các khoản phải thu khác	3.524.469.272	5.169.556.325
Cộng	<u>17.260.443.526</u>	<u>18.746.278.704</u>

Dài hạn	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	36.954.078.567	36.302.968.190

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Cộng	36.954.078.567	36.302.968.190
4. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI		
Số đầu năm	(22.591.015.140)	
Dự phòng trích lập trong năm		
Hoàn nhập dự phòng trong năm		
Số cuối năm	(22.591.015.140)	
5. HÀNG TỒN KHO		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	-	7.887.500.000
Nguyên liệu, vật liệu	38.221.690.548	51.037.053.793
Công cụ, dụng cụ	1.348.752.544	1.282.746.675
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	37.095.585.662	7.241.447.307
Thành phẩm	552.841.641.359	353.283.575.962
Hàng hóa	11.409.619.022	61.606.194.475
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.030.238.881)	(4.030.238.881)
Cộng	636.887.050.254	478.308.279.331
6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC		
Ngắn hạn		
Số đầu năm	4.317.122.033	
Số cuối kỳ	20.821.623.354	
Dài hạn		
Số đầu năm	36.213.136.341	
Số cuối kỳ	29.927.356.606	

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	546.635.827.831	2.064.765.564.300	42.793.876.685	20.434.664.486	533.390.000	2.675.163.323.302
Tăng trong kỳ	4.164.416.946	2.031.925.426				6.196.342.372
<i>Mua sắm mới</i>	108.223.295	1.302.761.455				1.410.984.750
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	4.056.193.651	729.163.971				4.785.357.622
Tăng khác						
Giảm trong kỳ	-4.056.193.651	-3.795.349.531				-7.851.543.182
<i>Giảm do thanh lý nhượng bán</i>		-3.066.185.560				-3.066.185.560
<i>Giảm khác</i>	-4.056.193.651	-729.163.971				-4.785.357.622
Số cuối năm	546.744.051.126	2.063.002.140.195	42.793.876.685	20.434.664.486	533.390.000	2.673.508.122.492
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	263.650.410.763	1.459.681.130.415	40.503.765.450	20.194.641.092	408.281.632	1.784.438.229.352
Tăng trong kỳ	10.246.167.407	49.078.150.045	398.980.088	30.615.879	4.339.020	59.758.252.439
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	10.246.167.407	51.139.877.617	398.980.088	30.615.879	4.339.020	61.819.980.011
<i>Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ PL</i>						
Tăng khác						
Giảm trong kỳ						
<i>Giảm do thanh lý, nhượng bán</i>		-2.061.727.572				-2.061.727.572
<i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	273.896.578.170	1.508.759.280.460	40.902.745.538	20.225.256.971	412.620.652	1.844.196.481.791
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	282.985.417.068	605.084.433.885	2.290.111.235	240.023.394	125.108.368	890.725.093.950
Số cuối kỳ	272.847.472.956	554.242.859.735	1.891.131.147	209.407.515	120.769.348	829.311.640.701

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	32.195.577.517	15.230.260.896	47.425.838.413
Tăng trong kỳ do mua sắm	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	8.936.214.349	-	8.936.214.349
Giảm khác	-8.936.214.349		-8.936.214.349
Số cuối kỳ	32.195.577.517	15.230.260.896	47.425.838.413
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.091.358.470	951.891.311	3.043.249.781
Tăng trong kỳ do khấu hao	131.577.972	951.891.306	1.083.469.278
Giảm khác	-	-	-
Số cuối kỳ	2.222.936.442	1.903.782.617	4.126.719.059
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	30.104.219.047	14.278.369.585	44.382.588.632
Số cuối kỳ	29.972.641.075	13.326.478.279	43.299.119.354

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ GIANG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án trung tâm công nghệ cao Lam Sơn	30.366.333.204	30.366.333.204
Dự án đầu tư công viên sinh thái tre, luồng Thanh Tam	253.238.830.975	238.873.841.363
Dự án nhà máy nước mía cô đặc	47.186.522.063	47.135.141.925
Dự án Trầm Hương	2.886.539.132	2.727.272.726
Dự án khác	5.476.350.956	13.405.484.798
Cộng	339.154.576.330	332.508.074.016

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con	281.746.610.952	268.025.038.981
<i>Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn</i>	<i>8.300.000.000</i>	<i>8.300.000.000</i>
<i>Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng</i>	<i>75.737.621.024</i>	<i>62.016.049.053</i>
<i>Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn</i>	<i>13.950.000.000</i>	<i>13.950.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng</i>	<i>21.396.593.886</i>	<i>21.396.593.886</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước</i>	<i>13.500.000.000</i>	<i>13.500.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn</i>	<i>9.862.396.042</i>	<i>9.862.396.042</i>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn</i>	139.000.000.000	139.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	21.500.000.000	21.500.000.000
<i>Công ty Cổ phần rượu Việt Nam – Thụy Điển</i>	21.500.000.000	21.500.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân</i>	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.251.145.800	5.251.145.800
<i>Tổng Công ty Mía đường I</i>	2.974.645.800	2.974.645.800
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà</i>	2.276.500.000	2.276.500.000
Đầu tư dài hạn khác	30.000.000.000	30.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(67.244.124.941)	(67.244.124.941)

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**Ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tại XNNL	45.463.915.938	23.230.716.999
Phải trả tại VPCT	32.285.103.159	37.058.842.804
Phải trả tại các đơn vị	5.117.287.357	4.549.559.817
Cộng	82.866.306.454	64.839.119.620

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước	10.689.582.106	4.094.248.761
Cộng	10.689.582.106	4.094.248.761

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	15.133.893.880	17.170.672.901
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.007.642.427	7.941.926.305
Các loại thuế khác	(121.643.153)	(110.767.116)
Cộng	17.019.893.154	25.001.832.090

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

Ngọn mía giống, sản phẩm rau củ quả, dịch vụ cơ giới nông nghiệp	Không chịu thuế
Đường, mật ri	5%
Điện, nước mía, sữa gạo	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Quý II năm 2022/2023:

	<u>Năm nay</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.764.931.541
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán:	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất	55.958.610
Các khoản phạt	5.019.367
Thù lao của Hội đồng Quản trị không chuyên trách	300.000.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập tính thuế TNDN	2.125.909.518
Thuế TNDN hiện hành	318.886.428
Thuế TNDN năm trước	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.446.045.113

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả	67.908.236.668	36.490.597.554
Cộng	67.908.236.668	36.490.597.554

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	(4.982.800)	465.744.883
Kinh phí công đoàn	1.075.364.346	960.359.346
Hoàn ứng	320.773.996	291.548.729
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.833.705.696	3.152.541.986
Cộng	4.224.861.238	4.870.194.944

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngân hàng, tổ chức tín dụng	478.789.112.396	553.075.900.402
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	<u>478.789.112.396</u>	<u>553.075.900.402</u>

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ dài hạn	6.335.000.000	6.335.000.000
Cộng	<u>6.335.000.000</u>	<u>6.335.000.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay trong kỳ</u>	<u>Số tiền trả /giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay đối tượng khác	6.335.000.000			6.335.000.000
Cộng	<u>6.335.000.000</u>			<u>6.335.000.000</u>

18. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	27.352.392.369	28.476.345.585
Cộng	<u>27.352.392.369</u>	<u>28.476.345.585</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	700.000.000.000	181.855.673.009	(25.442.046.725)	580.200.492.310	85.205.782.536	1.521.819.901.130
Tăng vốn trong năm			-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước					-	-
Lợi nhuận các năm nay					42.553.310.148	42.553.310.148
Trích lập quỹ đầu tư phát triển				2.555.920.437	(2.555.920.437)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi					(2.555.920.437)	(2.555.920.437)
Bán cổ phiếu quỹ		9.599.659.792	25.442.046.725		-	35.041.706.517
Chia cổ tức năm nay					-	-
Các khoản khác					(213.750)	(213.750)
Số dư cuối kỳ	700.000.000.000	191.455.332.801	-	582.756.412.747	122.647.038.059	1.596.858.783.607
Số dư đầu năm nay	700.000.000.000	191.455.332.801	-	582.756.412.747	122.647.038.059	1.596.858.783.607
Tăng vốn trong năm			-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	45.479.930.000				(45.479.930.000)	-
Lợi nhuận các năm nay					11.939.741.274	11.939.741.274
Trích lập quỹ đầu tư phát triển				4.255.331.014	(4.255.331.014)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi					(4.255.331.014)	(4.255.331.014)
Bán cổ phiếu quỹ			-		-	-
Chia cổ tức năm nay					-	-
Các khoản khác					(432.725)	(432.725)
Số dư cuối kỳ	745.479.930.000	191.455.332.801	-	587.011.743.761	80.595.754.580	1.604.542.761.142

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	745.479.930.000	700.000.000.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	191.455.332.801	191.455.332.801
Cộng	<u>936.935.262.801</u>	<u>891.455.332.801</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	74.550.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	74.547.930	70.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	74.547.930	70.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

20. NGUỒN KINH PHÍ

Số đầu năm	5.281.087.975
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	444.129.000
Chi sự nghiệp	3.804.328.975
Số cuối kỳ	<u>1.920.888.000</u>

21. NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ HÌNH THÀNH TSCĐ

Số đầu năm	17.566.148.729
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	(1.303.599.954)
Số cuối kỳ	<u>16.262.548.775</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA QUÝ II NĂM TÀI CHÍNH 2022/2023:****VI.1 - DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	336.854.798.263	455.004.576.253
Doanh thu bán hàng hóa	147.438.772.741	305.726.248.823
Doanh thu bán thành phẩm	185.093.859.491	147.379.830.040
Doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	4.322.166.031	1.898.497.390
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm		
Doanh thu thuần	336.854.798.263	455.004.576.253
Doanh thu bán hàng hóa	147.438.772.741	305.726.248.823
Doanh thu bán thành phẩm	185.093.859.491	147.379.830.040
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.322.166.031	1.898.497.390

VI.2 - GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	140.150.537.381	267.577.546.538
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	170.649.581.241	130.283.754.951
Giá vốn của hàng bán khác	3.349.534.288	3.803.266.147
Dự phòng/hoàn nhập hàng tồn kho	-	8.373.963.221
Cộng	314.149.652.910	410.038.530.857

VI.3 - DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	39.052.494	4.581.487
Lãi tiền cho vay	357.626.604	474.555.865
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	296.055.837	1.804.368.428
Lãi đầu tư trái phiếu	554.547.945	19.664.384
Lãi khác	271.697.043	-
Cộng	1.518.979.923	2.303.170.164

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI.4 - CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.819.425.600	1.349.883.465
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	10.856.279.880
Lỗi tỷ giá hối đoái của hoạt động SXKD	52.486.419	266.683.440
Chiết khấu thanh toán	-	2.416.604.596
Lỗi các khoản đầu tư khác	-	-
Chi phí khác	38.527.256	-
Cộng	2.910.439.275	14.889.451.381

VI.5 - CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.709.954.058	1.543.843.404
Chi phí khấu hao TSCĐ	739.219.147	729.788.357
Chi phí vận chuyển	1.150.243.331	852.800.909
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.293.281.074	9.081.948.961
Chi phí bằng tiền khác	848.571.018	3.455.687.618
Cộng	9.741.268.628	15.664.069.249

VI.6 - CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.199.477.944	4.945.016.765
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.317.513.597	1.618.781.127
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.097.553.209	881.158.471
Chi phí dự phòng, trợ cấp	-	909.534.650
Chi phí quản lý bằng tiền khác	1.900.530.654	2.944.540.443
Cộng	10.515.075.404	11.299.031.456

VI.7 - THU NHẬP KHÁC

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	767.182.012	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	1.405.700	3.590.724
Cộng	768.587.712	3.590.724

VI.8 - CHI PHÍ KHÁC

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao và kiểm tu của tài sản cố định tạm dừng sản xuất	55.958.610	-
Chi phí khác	5.039.530	(698.554.327)
Cộng	60.998.140	(698.554.327)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-

Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý II- năm 2022-2023	1.446.045.113
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20,65

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ được tính như sau:

	Năm nay
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	69.118.898
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	70.000.000

VII – NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:**

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2022	01/07/2022
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		31/12/2022	01/07/2022
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	34,57	33,34
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	65,43	66,66
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	31,50	32,42
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	68,50	67,58
Khả năng thanh toán		31/12/2022	01/07/2022
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,17	3,08
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,22	1,14
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,05	0,05
Tỷ suất sinh lời từ 01/07/2022 đến 31/12/2022:		Năm nay	Năm trước
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	2,33	3,82
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	1,97	3,21
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	2,33	3,82
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	1,97	3,21
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0,60	0,45
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,50	0,38
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	0,74	0,56

2. Báo cáo bộ phận

Theo lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm từ đường. Giai đoạn từ 01/10/2022 đến 31/12/2022, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 336.854.798.263 đồng; Trong đó doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm sau đường là 313.435.663.654 đồng chiếm tỷ trọng 93% ; doanh thu khác chiếm tỷ trọng 7% trên tổng doanh thu. Do đó, Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính.

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Giao dịch và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/10/2022 đến 31/12/2022	Từ 01/10/2021 đến 31/12/2021
Giao dịch mua hàng			
Công ty CP TM XNK Lam Sơn	Công ty con	12.802.449.064	41.361.245.351
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	170.289.570	254.863.805
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	13.923.460.000	-
Giao dịch bán hàng			
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	168.092.444	224.795.722
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	-	126.615.797
Công ty CP TM XNK Lam Sơn	Công ty con	71.633.143.715	71.747.865.593

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Trong kỳ từ 01/07/2022 – 31/12/2022, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	882.000.000	882.000.000
Phải trả người bán			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	20.967.120.888	3.446.019.638
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	6.137.237.800	
Phải thu khách hàng			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
Công ty CP TM XNK Lam Sơn	Công ty con	12.874.198.257	3.044.265.222
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	-	-
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	3.541.064.964	3.889.292.374
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	10.300.000.000	11.150.000.000
Phải thu dài hạn khác			
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	36.954.078.567	36.302.968.190

4. Giải trình biến động lợi nhuận so với cùng kỳ: Lợi nhuận sau thuế Quý II niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023 đạt 1.446.045.113 đồng, giảm 72,15% so với cùng kỳ năm 2021/2022, do một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Từ 01/10 đến 31/12		
		Năm nay(đ)	Năm trước(đ)	Tăng giảm(%)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	336.854.798.263	455.004.576.253	(25,97)
2	Giá vốn hàng bán	314.149.652.910	410.038.530.857	(23,39)
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.705.145.353	44.966.045.396	(49,51)
4	Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu	6,74 %	9,88%	(31,80)
5	Doanh thu hoạt động tài chính	1.518.979.923	2.303.170.164	(34,05)
6	Chi phí bán hàng	9.741.268.628	15.664.069.249	(37,81)
7	Chi phí quản lý	10.515.075.404	11.299.031.456	(6,94)
8	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	1.446.045.113	5.192.146.327	(72,15)

Nguyên nhân :

Giá vốn năm nay giảm 23,39% so với cùng kỳ năm trước, do tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu năm nay chỉ đạt 6,74% giảm 31,80% so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay giảm 49,51% so với cùng kỳ năm trước,

Chi phí bán hàng năm nay giảm 37,81%, chi phí quản lý giảm 6,94% so với cùng kỳ năm trước,

Doanh thu từ hoạt động tài chính giảm 34,05% so với cùng kỳ năm trước.

Do đó, Lợi nhuận kế toán sau thuế quý II niên độ tài chính từ ngày 01/07/2022 đến ngày 30/06/2023 chỉ đạt 1.466 triệu đồng, giảm 72,15% so với cùng kỳ quý II năm trước.

Lập ngày 28 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu



Hồ Thị Hậu

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương